

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giao dịch trong vùng 1,280 – 1,285 trong đầu phiên sáng trước khi giảm mạnh và đóng cửa tại mốc 1,254.12 điểm, giảm gần 28 điểm so với phiên trước đó. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 17/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Hóa chất dẫn đầu đà giảm, theo sau là ngành Dầu khí,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng gần 1000 tỷ đồng trên sàn HSX. Phiên giảm điểm hôm nay có thanh khoản lớn. Trong những phiên giao dịch tới, thị trường có thể theo quán tính giảm tiếp xuống vùng hỗ trợ 1,235 – 1,240.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 24/06/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-27.90** điểm, đóng cửa tại **1254.12** điểm. HNX-Index **-4.62** điểm, đóng cửa tại **239.74** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **POW (+0.18)**, **HNG (+0.10)**, **ITA (+0.09)**, **KBC (+0.08)**, **DIG (+0.06)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GVR (-1.51)**, **VPB (-1.45)**, **FPT (-1.44)**, **HVN (-1.28)**, **MSN (-0.88)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **28,175** tỷ đồng, tăng **50.85%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 31,757 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 32.18 điểm. Thị trường có **74** mã tăng, 50 mã tham chiếu, **378** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-932.89** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (-590.38 tỷ)**, **NLG (-64.21 tỷ)**, **SSI (-57.90 tỷ)**, **HDB (-57.15 tỷ)**, **VRE (-55.82 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **23.28** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-2.64%**. Các mã diễn biến tích cực: **POW (+2.04%)**.
- BSC50 **-3.30%**. Các mã diễn biến tích cực: **C4G (+4.00%)**, **DRC (+1.75%)**, **DIG (+1.53%)**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-2.64%	-3.30%	-2.18%	-2.28%
1 tuần	-0.71%	0.23%	0.57%	0.78%
1 tháng	0.04%	-2.68%	-1.23%	-0.11%
3 tháng	2.33%	0.67%	0.71%	1.43%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,254.12	239.74	99.06
% 1D	-2.18%	-1.89%	-1.51%
GTGD (tỷ VND)	28,175	2,322	2,324
%1D	50.85%	75.85%	14.38%
GDNN (tỷ VND)	-932.89	23.28	0.22

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
TCB	57.00	FPT	-590.38
POW	55.46	NLG	-64.21
VNM	46.60	SSI	-57.90
SAB	40.43	HDB	-57.15
MSN	30.62	VRE	-55.82

Thị trường thế giới

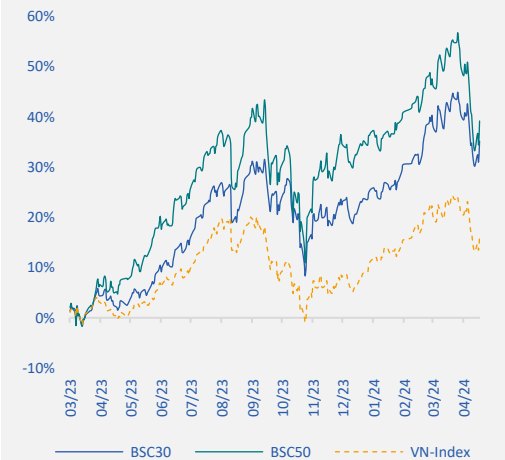
		%D	%W
SPX	5,465	-0.16%	0.57%
FTSE100	8,284	0.56%	1.74%
Eurostoxx	4,944	0.41%	1.41%
Shanghai	2,963	-1.17%	-1.75%
Nikkei	38,836	0.56%	2.00%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	84.34	-1.06%
Giá vàng	2,337	0.88%
Tỷ giá		
USD/VND	25,458	-0.04%
EUR/VND	27,302	-2.49%
JPY/VND	160	
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	2.8%	-0.06%
LS LNH 1M	4.7%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2409	1291.1	-2.35%	204	37.84%	9/19/2024	87
VN30F2412	1291.8	-2.15%	94	123.8%	12/19/2024	178
VN30F2407	1290.7	-2.29%	295592	18.03%	7/18/2024	24
VN30F2408	1296.3	-1.94%	433	73.20%	8/15/2024	52

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 -30.08 điểm, đóng cửa tại 1289.85 điểm. Biên độ dao động 32.25 điểm. Các cổ phiếu như FPT, VPB, STB, MSN, MWG tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 chìm trong sắc đỏ. Thanh khoản nằm trên đường MA20 cho thấy áp lực bán đang tăng cao. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều tăng. Xét về vị thế mở, tất cả các HĐTL đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CPOW2315	1/6/2025	196	428,000	-69.43%	1.35	1,620	0.6%	6.84	4.59	15.00	15.00
CHPG2342	11/21/2024	150	172,000	-62.95%	2.18	930	-2.1%	2.92	10.63	28.70	28.70
CTCB2309	9/25/2024	93	212,100	-26.67%	3.39	4,870	-2.6%	7.08	17.56	23.95	23.95
CFPT2310	8/5/2024	42	15,500	-39.85%	8.45	8,980	-3.1%	15.64	79.46	132.10	132.10
CMBB2318	9/23/2024	91	29,800	-66.48%	1.76	1,490	-3.2%	5.34	7.59	22.65	22.65
CFPT2317	11/21/2024	150	313,500	-51.48%	10.10	3,600	-4.0%	8.15	64.10	132.10	132.10
CMWG2314	1/9/2025	199	705,600	-65.65%	5.20	1,610	-4.7%	5.69	21.30	62.00	62.00
CFPT2316	7/22/2024	28	174,300	-39.89%	8.20	7,120	-4.8%	12.39	79.40	132.10	132.10
CFPT2318	7/15/2024	21	400	-49.51%	9.90	7,100	-5.5%	15.28	66.70	132.10	132.10
CFPT2314	1/9/2025	199	402,800	-47.62%	10.00	5,920	-5.6%	12.24	69.20	132.10	132.10
CFPT2313	8/9/2024	46	128,600	-51.25%	10.00	5,440	-5.9%	12.22	64.40	132.10	132.10
CTCB2312	7/15/2024	21	500	-14.52%	3.16	5,950	-6.3%	7.15	20.47	23.95	23.95
CTCB2307	8/5/2024	42	300	-18.20%	3.30	4,200	-6.7%	5.33	19.59	23.95	23.95
CACB2304	9/25/2024	93	143,000	-69.39%	1.93	2,160	-7.7%	8.80	7.38	24.10	24.10
CMWG2318	7/22/2024	28	324,600	-60.90%	4.20	3,340	-8.0%	9.64	24.24	62.00	62.00
CVIB2306	8/23/2024	60	56,400	-65.88%	1.61	3,000	-8.8%	10.44	7.27	21.30	21.30
CMBB2315	1/9/2025	199	1,496,600	-69.07%	1.96	1,290	-9.2%	5.30	7.01	22.65	22.65
CACB2306	7/22/2024	28	737,500	-69.01%	1.85	2,230	-9.3%	8.83	7.47	24.10	24.10
CMWG2316	8/23/2024	60	315,600	-69.03%	4.80	2,400	-12.4%	9.54	19.20	62.00	62.00
CTCB2310	10/9/2024	107	2,109,300	-27.52%	3.39	1,800	-12.6%	2.66	17.36	23.95	23.95

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 24/06/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.
- CVPB2318 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 6.25%. CTCB2310 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.28%.
- CTCB2312, CTCB2307, CTCB2309, CTCB2310, và CFPT2310 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2310, CFPT2318, CVNM2315, CHPG2329, và CHPG2322 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
POW	15.00	2.04%	0.15

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	132.10	-2.94%	-4.50
VPB	18.85	-3.83%	-3.69
STB	29.50	-3.75%	-2.24
MSN	73.70	-3.28%	-1.85
MWG	62.00	-2.36%	-1.84

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
POW	15.00	2.04%	0.18	2.34
HNG	5.22	6.97%	0.10	1.11
ITA	5.61	6.86%	0.09	0.94
KBC	29.75	1.36%	0.08	0.77
DIG	26.55	1.53%	0.06	0.61

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIF	21.80	9.55%	0.53	0.35
DTK	16.20	3.18%	0.26	0.68
HHC	99.90	9.78%	0.12	0.02
GKM	38.90	8.06%	0.07	0.03
CLM	90.00	7.66%	0.06	0.01

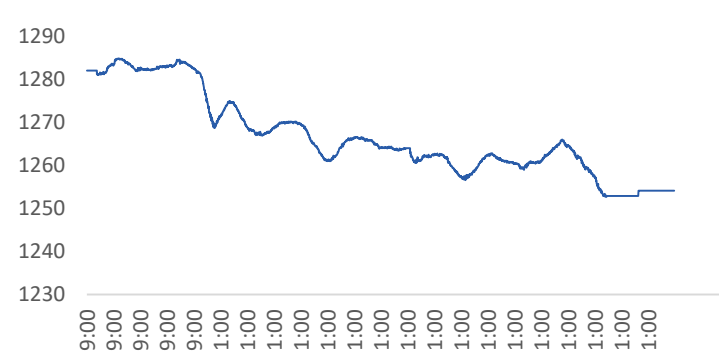
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HNG	4.88	6.97%	0.10	7.66
CLW	40.20	6.97%	0.01	0.00
EVG	7.14	6.86%	0.03	11.45
ITA	5.25	6.86%	0.09	10.30
TDG	4.99	6.81%	0.00	1.18

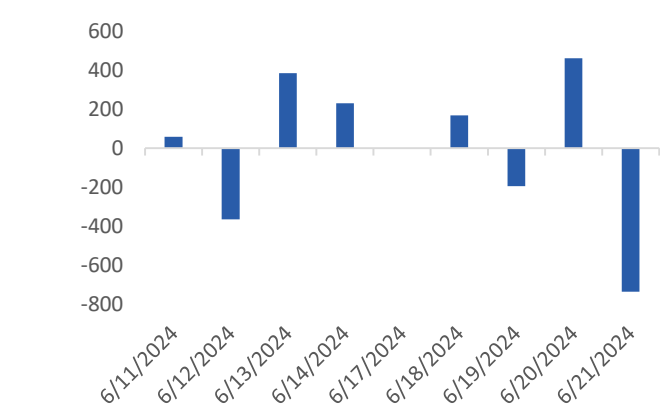
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BKC	18.20	9.89%	0.15	0.00
VSA	7.10	9.86%	0.03	0.01
HHC	33.60	9.82%	0.19	0.17
THS	91.00	9.78%	0.61	0.00
ARM	13.30	9.77%	0.01	0.00

Hình 1
HSX-Index Intraday



Hình 3
Giao dịch tự doanh



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GVR	33.00	-4.49%	-1.51	4.00
VPB	18.85	-3.83%	-1.45	7.93
FPT	132.10	-2.94%	-1.44	1.46
HVN	32.70	-6.97%	-1.28	2.21
MSN	73.70	-3.28%	-0.88	1.44

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MBS	31.70	-8.65%	-0.87	0.44
VCS	77.10	-5.98%	-0.54	0.16
PVS	41.40	-3.72%	-0.53	0.48
NTP	56.60	-9.00%	-0.48	0.13
SHS	17.40	-4.40%	-0.45	0.81

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HVN	35.15	-6.97%	-1.26	8.12
TTE	16.50	-6.97%	-0.01	0.00
TVS	25.90	-6.95%	-0.07	2.68
BSI	56.30	-6.93%	-0.18	1.65
HTN	13.00	-6.92%	-0.02	2.00

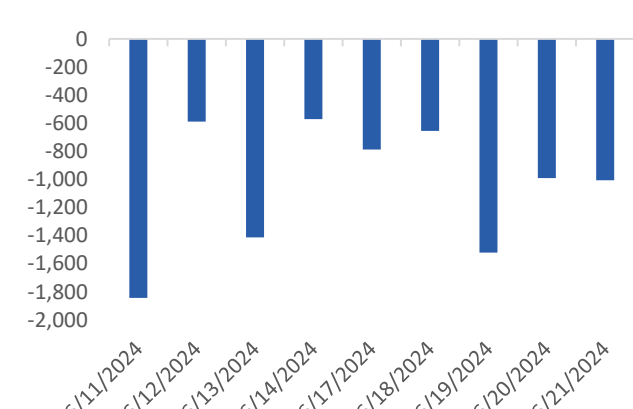
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
ONE	13.00	-10.00%	-0.03	0.04
VHL	12.20	-9.84%	-0.10	0.01
KTS	45.50	-9.67%	-0.08	0.00
VNF	12.50	-9.60%	-0.13	0.02
BPC	9.50	-9.47%	-0.01	0.00

Hình 2
HNX-Index Intraday



Hình 4
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
VCB	Ngân hàng	85.5	-0.60%	0.6	18,777	7.2	5,838	14.6	-	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	45.0	-1.30%	1.0	10,079	3.4	3,841	11.7	-	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	18.8	-3.80%	1.0	5,876	33.5	1,397	13.5	-	28.0%	Link
TCB	Ngân hàng	24.0	-2.20%	1.1	6,630	13.2	5,600	4.3	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	22.6	-2.40%	1.0	4,722	22.6	3,818	5.9	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	29.5	-3.80%	1.0	2,185	23.5	4,206	7.0	-	22.5%	Link
CTG	Ngân hàng	31.6	-1.70%	1.2	6,678	10.5	3,751	8.4	-	27.1%	Link
ACB	Ngân hàng	24.1	-1.80%	0.8	4,230	13.5	4,072	5.9	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	34.6	-2.50%	1.2	2,052	37.0	1,704	20.3		43.2%	Link
IDC	Xây dựng	61.4	-0.80%	1.2	796	7.0	5,880	10.4	65,700	17.6%	Link
HPG	VLXD	28.7	-1.20%	1.2	7,213	42.7	1,601	17.9	41,500	24.5%	Link
HSG	VLXD	24.0	-4.80%	1.7	581	26.2	1,423	16.9	-	22.1%	Link
VHM	BĐS	37.4	-0.80%	1.1	6,408	11.3	5,074	7.4	108,300	22.4%	Link
KDH	BĐS	36.6	-2.30%	1.4	1,151	4.7	726	50.5	44,500	38.0%	Link
NLG	BĐS	40.8	-0.40%	1.5	616	8.9	1,040	39.2	-	42.9%	Link
DGC	Hóa chất	124.6	-5.50%	1.4	1,859	43.6	7,845	15.9	115,000	18.9%	Link
DCM	Phân bón	35.8	-8.90%	1.3	744	9.9	2,313	15.5	46,100	10.9%	Link
GAS	Dầu khí	76.5	-1.80%	0.6	6,904	5.2	4,688	16.3	-	2.6%	Link
PVS	Dầu khí	41.4	-3.70%	1.0	778	12.1	1,992	20.8	-	20.8%	Link
PVD	Dầu khí	29.6	-5.90%	1.2	646	8.1	1,200	24.7	38,400	23.3%	Link
POW	Dầu khí	15.0	2.00%	0.8	1,380	16.1	350	42.9	17,100	4.0%	Link
VHC	Thủy sản	71.5	-3.10%	1.2	631	6.1	3,774	18.9	108,500	32.2%	Link
GMD	Logistics	82.0	-1.70%	0.9	1,000	6.2	8,430	9.7	90,400	48.2%	Link
VNM	Bán lẻ	65.5	-0.80%	0.6	5,379	9.9	4,408	14.9	93,100	53.9%	Link
MSN	Bán lẻ	73.7	-3.30%	1.3	4,381	24.1	215	342.2	-	28.2%	Link
MWG	Bán lẻ	62.0	-2.40%	1.4	3,562	27.7	717	86.4	-	44.5%	Link
PNJ	Bán lẻ	97.3	-0.40%	1.0	1,279	5.5	5,860	16.6	112,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	60.8	-4.70%	1.8	399	5.5	2,200	27.6	66,600	23.4%	Link
FPT	Bán lẻ	132.1	-2.90%	0.9	7,581	68.4	5,335	24.8	107,900	49.0%	Link
CTR	Hạ tầng	151.0	-5.70%	1.1	679	7.7	4,582	33.0	-	10.1%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	22.4	-3.50%	0.9	2,558	8.4	3,809	5.9	1.4	19.6%	25.4%
VIB	Ngân hàng	21.3	-2.30%	1.1	2,123	6.6	3,315	6.4	1.4	20.5%	24.3%
TPB	Ngân hàng	17.4	-3.90%	1.2	1,505	6.8	2,050	8.5	1.1	29.8%	13.7%
MSB	Ngân hàng	14.2	-2.10%	1.2	1,112	3.1	2,310	6.1	0.9	30.0%	16.0%
EIB	Ngân hàng	18.2	-1.90%	1.0	1,245	4.5	1,147	15.9	1.4	1.8%	10.1%
HCM	Chứng khoán	26.6	-5.70%	1.6	734	17.2	1,175	22.6	2.2	41.0%	8.3%
VCI	Chứng khoán	45.5	-5.60%	1.7	790	19.8	1,409	32.3	2.4	21.7%	7.1%
VND	Chứng khoán	16.4	0.90%	1.5	978	13.3	2,057	7.9	1.2	22.6%	13.1%
BSI	Chứng khoán	52.4	-6.90%	1.7	418	3.4	2,208	23.7	2.2	40.4%	9.0%
SHS	Chứng khoán	17.4	-4.40%	1.7	556	18.6	1,076	16.2	1.3	13.2%	5.7%
CTD	Xây dựng	73.0	-4.20%	1.2	287	6.7	2,709	26.9	0.9	44.3%	2.3%
HHV	Xây dựng	12.6	-0.40%	1.5	203	2.3	833	15.1	0.6	6.7%	4.2%
LCG	Xây dựng	11.2	-3.90%	1.6	85	1.6	655	17.1	0.8	2.1%	4.6%
SZC	Xây dựng	40.0	-6.80%	1.1	283	4.6	1,515	26.4	2.4	3.2%	13.4%
SIP	Xây dựng	89.3	-6.00%	1.3	638	2.1	5,701	15.7	4.2	0.3%	26.9%
PHR	BĐS KCN	59.0	-3.10%	1.1	314	0.7	3,448	17.1	2.1	15.8%	18.3%
DIG	BĐS	26.6	1.50%	1.9	636	19.7	(38)	-691.6	2.2	5.2%	2.1%
CEO	BĐS	17.2	-1.10%	1.3	348	3.7	312	55.2	1.5	5.6%	2.4%
KBC	BĐS KCN	29.8	1.40%	1.6	897	10.5	1,262	23.6	1.3	20.8%	11.7%
VGC	BĐS KCN	53.1	-0.90%	1.2	936	1.6	2,746	19.3	2.9	5.4%	12.5%
GVR	BĐS KCN	33.0	-4.50%	1.5	5,187	6.1	628	52.6	2.6	0.3%	6.2%
NKG	VLXD	24.2	-4.70%	1.6	250	12.5	1,222	19.8	1.1	16.0%	2.3%
BMP	Vật liệu	105.1	-2.20%	1.0	338	0.8	11,594	9.1	3.0	85.9%	39.1%
IJC	Hạ tầng	14.5	-4.60%	1.5	215	3.1	865	16.8	1.2	5.9%	10.3%
DXG	BĐS	16.0	0.90%	1.8	453	4.9	420	38.1	1.1	20.0%	1.1%
VRE	Bất động sản	20.0	-0.20%	1.3	1,781	8.0	1,966	10.1	1.2	31.0%	12.4%
PDR	Bất động sản	24.2	0.40%	1.7	830	7.6	964	25.1	1.9	7.4%	7.2%
DIG	Bất động sản	26.6	1.50%	1.9	636	19.7	(38)	-691.6	2.2	5.2%	2.1%
HUT	Xây dựng	17.0	-0.60%	1.4	596	3.4	73	232.7	1.5	1.6%	0.7%
C4G	Xây dựng	10.4	4.00%	1.4	-	1.7	433	24.0	1.0	0.0%	4.9%
CSV	Hóa chất	68.9	-3.20%	1.6	120	3.1	4,370	15.8	2.1	3.7%	16.1%
DHC	Hóa chất	40.4	-4.80%	1.1	128	0.8	3,461	11.7	1.7	35.8%	17.2%
DRC	Cao su	35.0	1.70%	0.8	163	3.3	2,286	15.3	2.2	13.6%	13.2%
PC1	Điện	28.2	-5.80%	1.4	345	8.7	651	43.4	1.7	8.5%	4.1%
HDG	BĐS	27.5	-16.20%	1.3	330	7.3	2,061	13.3	1.4	22.8%	12.9%
GEX	Điện	22.0	-5.20%	1.8	736	20.3	625	35.2	1.5	12.6%	4.1%
QTP	Điện	17.1	-1.20%	0.5	-	0.6	1,549	11.0	1.4	1.2%	10.8%
PLX	O&G	40.8	-3.70%	0.9	2,034	4.0	2,570	15.9	1.9	17.1%	10.7%
BSR	O&G	23.0	-4.60%	1.1	-	16.0	2,588	8.9	1.2	0.8%	15.6%
PLC	O&G	26.9	-3.20%	1.5	85	0.4	1,112	24.2	1.6	1.2%	8.4%
ANV	Thủy sản	31.8	-6.50%	1.4	166	3.4	(252)	-125.9	1.5	3.0%	1.5%
PTB	Gỗ	73.1	-2.70%	0.7	192	1.6	4,765	15.3	1.8	20.9%	10.6%
VSC	Logistics	21.0	-5.60%	1.4	221	9.6	532	39.5	1.9	2.5%	6.2%
HAH	Logistics	41.4	-4.70%	1.3	197	11.9	3,081	13.4	1.6	3.9%	12.1%
VTP	Logistics	89.0	-6.90%	1.4	426	14.8	2,980	29.9	6.6	9.4%	25.6%
DBC	Logistics	34.8	-5.30%	1.7	331	11.4	1,729	20.2	1.8	4.5%	0.5%
FRT	Bán lẻ	176.0	-1.70%	0.7	942	3.3	(2,215)	-79.5	14.2	36.2%	11.8%
QNS	Bán lẻ	48.5	-2.00%	0.6	-	2.1	6,737	7.2	2.0	15.5%	27.3%
TNG	Dệt may	24.8	-5.30%	1.2	111	2.7	1,981	12.5	1.6	18.6%	12.5%
PVT	O&G	28.4	-5.00%	0.9	397	6.2	3,150	9.0	1.3	12.3%	14.3%
DPM	Phân bón	35.6	-4.60%	1.3	548	7.6	1,372	26.0	1.2	10.0%	4.2%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitc, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Báo cáo tháng 04/2024_SBV chủ động thực hiện các biện pháp ổn định tỷ giá và lãi suất	x		Click
2	BSC_Báo cáo tháng 03/2024_Câu chuyện tỷ giá và thị trường chứng khoán	x		Click
3	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
4	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
9	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
10	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
11	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
12	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

tungtt@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639